

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN SƠN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **98/2024 /HNGĐ-ST**.
Ngày 19/4/2024
“*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chung và ông Phạm Tiến Hào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 348/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2024, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vương Thị H**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- Bị đơn: Anh **Hoàng Văn P**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Vương Thị H trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn P được tự do tìm hiểu đã đi đến kết hôn, được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y vào ngày 02/7/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại thôn L, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng được một thời sau thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến hay cãi, chửi nhau và mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái. Thực tế hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh P đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Vương Thị H xác định, chị và anh Hoàng Văn P có 04 con chung là cháu Hoàng Thị H1, sinh ngày 16/4/2010; cháu Hoàng Thị M, sinh ngày 24/4/2012; cháu Hoàng Hải P1, sinh ngày 30/12/2014 và cháu Hoàng Kim H2, sinh ngày 20/7/2017, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục 02 con chung là cháu Hoàng Thị H1, sinh ngày 16/4/2010 và cháu Hoàng Thị M, sinh ngày 24/4/2012; anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Hoàng Hải P1, sinh ngày 30/12/2014 và cháu Hoàng Kim H2, sinh ngày 20/7/2017, chị và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vương Thị H xác định, chị và anh Hoàng Văn P không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Hoàng Văn P đến để giải quyết vụ án nhưng anh P không có mặt; qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Theo cung cấp của đại diện thôn L, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang thì việc chị H và anh P kết hôn với nhau như chị H đã trình bày là đúng thực tế. Sau khi kết hôn chị H và anh P ở cùng bố mẹ đẻ anh P tại thôn L, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị H và anh P đi làm ăn xa nên không còn tin tưởng nhau, thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Hiện anh P đang đi làm ăn xa vẫn thường xuyên về địa phương và liên lạc với gia đình, nhưng không báo cho địa phương biết địa chỉ nơi ở và nơi làm việc mới cho chính quyền địa phương và gia đình biết. Đại diện thôn xác định có nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án đã thông báo cho anh P biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh P nhưng anh P không về Tòa án để giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ

nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS như: Không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa; tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị H xử cho chị Vương Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn P.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Hoàng Thị H1, sinh ngày 16/4/2010 và cháu Hoàng Thị M, sinh ngày 24/4/2012 cho chị Vương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục; Giao cháu Hoàng Hải P1, sinh ngày 30/12/2014 và cháu Hoàng Kim H2, sinh ngày 20/7/2017 cho anh Hoàng Văn P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục, chị H và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh P cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Vương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định.

+ Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Về việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án gồm: Trích lục kết hôn (Bản sao); Căn cước công dân của đương sự (bản sao); Giấy khai sinh của con chung (Bản sao); Giấy xác nhận thông tin về cư trú.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bị đơn; lấy ý kiến của con chưa thành niên đủ 07 tuổi trở lên; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh tại thôn L, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Chị Vương Thị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án do anh P vắng mặt nhiều lần tại các buổi làm việc, nên Tòa án chỉ tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Chị Vương Thị H và anh Hoàng Văn P kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp; chị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và giao nuôi con chung

nên xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; bị đơn anh Hoàng Văn P có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn L, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xác minh tại địa phương cho thấy, anh Hoàng Văn P có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Hoàng Văn P đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ nơi ở, nơi làm việc mới cho địa phương và gia đình biết nên hiện không rõ anh P cư trú ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh P đến làm việc, chính quyền địa phương đã thông báo cho anh P biết việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án nhưng anh P không về giải quyết và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở, nơi làm việc mới, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Chị Vương Thị H và anh Hoàng Văn P kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P theo quy định của pháp luật.

HĐXX xét thấy, việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vương Thị H và anh Hoàng Văn P là đúng thực tế, hai vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, trong suốt quá trình sống ly thân hai vợ chồng không gặp nhau, không liên lạc với nhau và cũng không có cách thức biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, cả hai cùng xác định đã không còn tình nghĩa vợ chồng với nhau; không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt mà người nào chỉ biết bỏn phận của người đó, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống, trên thực tế cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, cả chị H và anh P đều nhất trí ly hôn, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Vương Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn P.

[2.2] Về con chung:

Quá trình chung sống, chị Vương Thị H và anh Hoàng Văn P có 04 con chung là cháu Hoàng Thị H1, sinh ngày 16/4/2010; cháu Hoàng Thị M, sinh ngày 24/4/2012; cháu Hoàng Hải P1, sinh ngày 30/12/2014 và cháu Hoàng Kim H2, sinh ngày 20/7/2017, chị H đề nghị được nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Hoàng Thị H1, sinh ngày 16/4/2010 và cháu Hoàng Thị M, sinh ngày 24/4/2012; anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Hoàng Hải P1, sinh ngày 30/12/2014 và cháu Hoàng Kim H2, sinh ngày 20/7/2017, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Do anh P cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên không lấy được ý kiến của anh P về việc giao nuôi con chung.

HĐXX xét thấy, quá trình xác minh tại địa phương thể hiện: Hiện nay chị H và anh P đều có chỗ ở, có việc làm và mức thu nhập ổn định, cả hai đều đủ điều kiện để nuôi con chung, hai vợ chồng có 04 con chung nên nếu giao hết các con cho một bên nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo đầy đủ các điều kiện về nuôi dưỡng và phát triển cho các con; mặt khác quá trình lấy lời khai của các con từ đủ 07 tuổi trở lên cháu Hoàng Thị H1 và cháu Hoàng Thị M có nguyện vọng được ở với chị H; còn cháu Hoàng Hải P1 có nguyện vọng ở với anh P, do đó đề nghị của chị H là có căn cứ chấp nhận.

HĐXX xét thấy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của các con và ưu tiên bảo đảm lợi ích của các con, cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao 02 con chung là cháu Hoàng Thị H1, sinh ngày 16/4/2010 và cháu Hoàng Thị M, sinh ngày 24/4/2012 cho chị Vương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Hoàng Hải P1, sinh ngày 30/12/2014 và cháu Hoàng Kim H2, sinh ngày 20/7/2017 cho anh Hoàng Văn P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với ý kiến của các đương sự cũng như ý kiến của các con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H và anh P mỗi người đều nuôi hai 02 chung, xét về điều kiện chỗ ở, thu nhập chị H và anh P có điều kiện tương đồng nhau, nên hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau, trường hợp có sự thay đổi về điều kiện sống, sinh hoạt và điều kiện về kinh tế, thu nhập thì các bên có quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung; nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị H xác định hai vợ chồng có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Vương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh Hoàng Văn P không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “ *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của chị Vương Thị H với anh Hoàng Văn P.

1. Về hôn nhân: Cho chị Vương Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn P. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh P chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị H1, sinh ngày 16/4/2010 và cháu Hoàng Thị M, sinh ngày 24/4/2012 cho chị Vương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Hoàng Hải P1, sinh ngày 30/12/2014 và cháu Hoàng Kim H2, sinh ngày 20/7/2017 cho anh Hoàng Văn P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Vương Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001020 ngày 07/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; chị Vương Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Hoàng Văn P không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Hùng Lợi (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hồng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Huệ – Lộc Thị Kim Thơm

Vũ Mạnh Hồng

